

VỀ BẢO VẬT QUỐC GIA - ĐÀI THỜ MỸ SƠN E1

VỠ VĂN THẮNG

Bảo vật này được phát hiện vào năm 1903, trong khối đổ nát của tháp E1 thuộc khu đền tháp Champa ở Mỹ Sơn, đem về Bảo tàng từ năm 1918. Khu đền tháp này nằm trong một thung lũng nhỏ, gần làng Mỹ Sơn, nay thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, được xây dựng từ khoảng thế kỷ V đến thế kỷ XIII.

Từ tháng 3 năm 1903 đến tháng 2 năm 1904, Trường Viễn Đông Bác Cổ của Pháp đã tổ chức phát quang và nghiên cứu toàn bộ khu di tích tại Mỹ Sơn. Kết quả nghiên cứu đã được Henri Parmentier công bố trên tạp chí của Trường Viễn Đông Bác Cổ (Parmentier 1904). Ở tài liệu này, Parmentier đã thống kê cả thấy 69 công trình chính; ông chia thành 9 nhóm và 4 công trình lẻ, ghi ký hiệu và đánh số thứ tự thống kê gồm: Nhóm A: 13 công trình, ký hiệu A1 đến A13; Nhóm A': 4 công trình, ký hiệu A'1 đến A'4; Nhóm B: 14 công trình, ký hiệu B1 đến B14; Nhóm C: 7 công trình, ký hiệu C1 đến C7; Nhóm D: 6 công trình, ký hiệu D1 đến D6; Nhóm E: 9 công trình, ký hiệu E1 đến E9; Nhóm F: 3 công trình, ký hiệu F1 đến F3; Nhóm G: 5 công trình, ký hiệu G1 đến G5; Nhóm H: 4 công trình, ký hiệu H1 đến H4; 4 công trình riêng lẻ: ký hiệu K, L, M, N. Việc chia nhóm của Parmentier chủ yếu căn cứ theo dấu vết tường thành bao quanh từng nhóm hoặc chức năng sử dụng của các công trình; mặc dù có một số vị trí có thể đã nhầm lẫn, nhưng các ký hiệu nói trên đã được mọi người về sau sử dụng làm thành tên gọi của từng công trình trong khu đền tháp Mỹ Sơn.

Mặc dù đã bị hủy hoại nhiều qua thời gian, nhưng những gì còn lại tại Mỹ Sơn cho thấy, đây là một khu đền tháp quan trọng bậc nhất của xứ sở

Champa, là dấu tích của một nền văn hóa đặc thù đã phát triển trong bối cảnh giao lưu, tiếp xúc với các nền văn minh lớn trong khu vực trong suốt 1000 năm tại miền Trung Việt Nam. Khu di tích Mỹ Sơn đã được tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) đưa vào danh sách các Di sản văn hóa của thế giới từ năm 1999.

Đài thờ Mỹ Sơn E1 hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng gồm 14 khối đá được xếp lại thành một vành đai hình vuông, mỗi cạnh 271 cm, cao 65 cm. Mặt trước có bậc cấp ghép từ hai khối đá, chiều rộng của bậc cấp là 90 cm, chiều dài nhô ra phía trước là 82 cm. Trên các khối đá có khắc ký tự Sanskrit¹.

Bố cục và điêu khắc trên đài thờ mang tính biểu tượng rất cao. Trước hết, trang trí trên đài thờ như muốn mô phỏng các trang trí kiến trúc của một ngôi tháp. Mặt trước có bậc cấp, có chạm khắc hình các vòm cửa và trụ cửa thu nhỏ. Ba mặt còn lại, mỗi mặt có 1 vòm cửa như cửa giả của tháp. Ngoài ra còn có trang trí theo mô-típ các trụ áp tường. Bản thân một ngôi tháp Chăm Hindu giáo lại tượng trưng cho một ngọn núi, đỉnh núi là nơi ngự của thần linh; vị thần cao nhất ở đây là thần Siva, với biểu tượng linga đặt ở giữa đài thờ². Nhìn qua các lớp biểu tượng đó, chúng ta sẽ nhận ra các cảnh chạm khắc quanh đài thờ là khung cảnh núi rừng, hang động, nơi các tu sĩ bà la môn tu tập, ẩn dật và hành đạo.

Căn cứ các ký tự Sanskrit khắc ở mặt trên các khối đá, và đặt đài thờ hướng về phía Tây (theo hướng tháp E1), chúng ta xem xét các tiểu cảnh trong các ô lõm bắt đầu từ mặt bắc theo thứ tự các khối đá ka, kâ, ki, kî³.

Ô số 1 thể hiện 2 nhân vật. Một người có búi tóc cao, ngồi quay mặt nghiêng vào trong, tay phải đưa lên cao ngang mặt, như đang giảng giải. Người kia vóc dáng nhỏ hơn, đang ngồi quỳ, hai tay chấp lại trước ngực, điều bộ kính cẩn. Có thể xem đây như một môn sinh học đạo lần đầu tiên thỉnh giáo với một đạo sư. Ở ô số 2 là một người học đạo ngồi quỳ gối gập chân dưới mông, tay phải đưa lên ngang ngực, điều bộ như đang lắng nghe lời giảng của đạo sư đang ngồi bên kia chiếc bàn chân chéo. Đạo sư có dáng ngồi thoải mái hơn, tay trái chống lên đầu gối, tay phải đặt trên bàn. Ô số 3 khắc họa 2 nhân vật đang cử hành nghi lễ tắm linga ở một bệ yoni-linga đặt dưới một bóng cây lớn. Đạo sư có râu dài, ngồi quỳ gối trước bệ yoni-linga, tay trái cầm một chiếc lọ nghiêng trên linga, như đang đổ rượu hoặc nước. Phía sau đạo sư là người phụ lễ, trẻ tuổi, không có râu, hai tay cầm lẵng hoa hoặc bó đuốc. Ô số 4 có 2 nhân vật dưới một tán cây. Nhân vật chính là đạo sư có râu dài, búi tóc to, ở tư thế nằm nghiêng, tay trái chống vào mang tai, tay phải gập ngang trước ngực. Người học đạo được thể hiện với vóc dáng nhỏ hơn, ngồi ở phía chân của đạo sư, đang được đạo sư hướng dẫn thực hành phương pháp chữa bệnh bằng xoa bóp, một bộ môn y học phổ biến ở Ấn Độ xưa. Ô số 5 có 3 nhân vật dưới hai tán cây lớn. Bên phải là một người học đạo ngồi gập lưng, tay phải chỉ xuống một vật mỏng đặt trên đất, có thể là kinh sách viết trên lá. Nhân vật ở giữa là đạo sư được thể hiện lớn hơn, ngồi ở tư thế thoải mái, lưng thẳng, tay trái chống lên đùi, tay phải đưa lên ngang ngực, bàn tay hướng về phía người đối diện, giảng giải kinh sách cho môn đệ của mình. Sau lưng đạo sư là một nhân vật quỳ gối, hai tay chấp ngang ngực, đang chăm chú lắng nghe. Ô số 6 khắc họa hình ảnh đạo sư sau khi đã xong công việc truyền dạy cho môn đệ, ngồi thư giãn dạo nhạc với cây đàn ôm trước ngực. Chúng ta cũng biết rằng, một tu sĩ ba la môn không chỉ có hiểu biết sâu sắc kinh Vệ - Đà, thực hành nghi lễ, chữa bệnh, tu tập khổ hạnh mà còn học các môn nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc.

Các ký tự tiếp theo ku, kũ, ke thuộc các khối đá mặt trước của đài thờ thể hiện các nhân vật đang biểu diễn các loại nhạc cụ khác nhau, phối hợp với cảnh các vũ công đang múa trên bậc cấp tạo thành một dàn hợp xướng dâng tặng chư thần. Tính cân xứng và đường nét điêu khắc tinh tế, sống động ở đây đã khiến các nhà chuyên môn đánh giá bức chạm này là một kiệt tác nghệ thuật.

Tiếp theo là mặt Nam của đài thờ. Mặt này lẽ ra cũng có 6 ô lõm nhưng do 2 khối đá đã bị thất lạc nên chỉ còn lại 4 ô trên các khối đá ke, ko, kam, kah. Cảnh miêu tả ở mặt này là đời sống khổ hạnh của người học đạo, tu tập trong các khu rừng và hang động. Ô số 7 tả một đạo sĩ ngồi giữa những tảng đá lớn, đang chuyện trò với một con chim trên cành cây trước mặt. Sau lưng ông là một con sóc đang leo trên thân cây. Ở ô số 8, một đạo sĩ ngồi dưới những tán cây lớn, đang chuyện trò với một con sóc và một con khỉ đang leo trên cành cây ở hai bên. Ô số 9 có khuôn hình vòng cung, là sự cách điệu một dạng hang động, nơi những người học đạo ẩn dật. Ô số 10 tả một đạo sĩ có bộ râu dài nằm tựa vào một phiến đá, tay phải kê sau đầu, tay trái tựa lên viên đá, hai chân bắt chéo.

Mặt phía Đông gồm các khối đá kha, khā, hợ với hai khối đá góc kah và ka, tạo nên 6 ô lõm đối xứng nhau qua một vòm cửa giả ở giữa. Ô số 11 là một đạo sĩ nằm tựa vào phiến đá, tay cầm một chuỗi hạt, dấu hiệu của sự thông thuộc kinh điển. Hai đạo sĩ ở ô 12 đang ngồi bên một gốc cây lớn, một người thổi sáo, người kia đánh trống. Ô số 13 thể hiện 2 nhân vật đang nhảy múa dưới vòm cây. Ô số 14 thể hiện 2 người ngồi đối diện. Một người ngồi dáng vẻ thoải mái; chân phải xếp bằng, chân trái co lên, tay phải chống lên bắp vế, tay trái gác trên đầu gối, bàn tay hướng lên trên. Người kia hai tay chấp trước ngực, dáng vẻ đang kính cẩn lắng nghe. Cảnh này rất tương đồng với cảnh ở ô số 1 trong dáng ngồi của một đạo sư và một học trò; ở cảnh 1, vị đạo sư quay mặt vào trong để tiếp nhận một môn sinh, ở cảnh này vị đạo sư nhìn ra phía trước như dặn dò và tiễn người học trò đã xong một quá trình tu tập để bắt đầu một chu kỳ mới. Ô 15 thể hiện vị đạo sư ngồi thanh thản dưới gốc cây, hướng mắt nhìn một con hổ to lớn đang đứng mãnh lao về phía trước; ô số 16 miêu tả một con lợn rừng trong tư thế té ngựa, điều bộ rất tự nhiên như đang nhón như đùa nghịch.

Các chủ đề và cách thức điêu khắc phong phú trên đài thờ Mỹ Sơn E1 đủ để khái quát thành các tiêu chí tiêu biểu của một phong cách nghệ thuật trong thời kỳ sớm của văn hóa Champa, là cơ sở để so sánh, đối chiếu khi nghiên cứu về sự phát triển nghệ thuật điêu khắc Champa trong quan hệ tiếp xúc, giao lưu với các nền nghệ thuật cùng thời kỳ tại Đông Nam Á. Cho đến nay, tất cả các nghiên cứu từ những góc độ khác nhau đều đi đến nhận định



Đài thờ Mỹ Sơn (E1) - Hiện vật Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng - Ảnh: Tác giả

niên đại của đài thờ Mỹ Sơn E1 thuộc khoảng thế kỷ VII - VIII. Philippe Stern (1942) đánh giá đài thờ Mỹ Sơn là một kiệt tác nghệ thuật, sự xuất hiện của nó được xem như là một nền nghệ thuật Gupta - Ấn Độ hồi sinh. Jean Bosseilier (1963) đã phân tích những dấu hiệu giao lưu, ảnh hưởng giữa phong cách điêu khắc trên đài thờ Mỹ Sơn E1 với phong cách tiền - Angkor trong nghệ thuật Khmer. Trên cơ sở nhận định mô típ trang trí viền quanh trán đài thờ Mỹ Sơn E1 xuất hiện trong nghệ thuật Môn - Dvaravati - Thái Lan và nghệ thuật Khmer, Trần Kỳ Phương (2008) đưa ra giả thuyết về mối quan hệ giữa ba nền nghệ thuật thông qua sự giao thương bằng đường bộ và đường sông trên bán đảo Đông Dương vào thế kỷ VIII.

Với chức năng là một bộ phận cốt lõi của một ngôi tháp Champa, là nơi ngự trị của thần linh tối cao, đài thờ Mỹ Sơn E1 đã được các nghệ nhân Champa tạo dựng với tất cả tài năng và lòng thành kính. Từ bố cục tổng thể cho đến các chi tiết chạm khắc trên đài thờ đều ẩn chứa những thông điệp mang ý nghĩa tâm linh. Khi có dịp tĩnh lặng để nhìn ngắm và suy tưởng, chúng ta có thể thấy thấp thoáng trên mặt đá đã mòn mờ qua năm tháng của đài thờ Mỹ Sơn E1 những niềm vui, nỗi buồn và lòng mong ước của một cộng đồng đã từng có mặt và để lại những giá trị sống động làm nên sắc màu văn hóa Việt Nam hôm nay./.

V.V.T

Chú thích:

1- Khi mới phát hiện, Parmentier cũng đã biết đến các ký tự Sanskrit này, nhưng ông có xếp nhầm trật tự một vài khối (BEFEO 4, 1904, tr. 871 - 874). Sau này các chuyên gia về chữ Sankrit đã đọc lại và giúp điều chỉnh vị trí các khối đá theo trật tự hiện nay (BEFEO số 30, 1930, tr. 525; BEFEO số 95 - 96, 2008- 2009, tr. 452).

2- Chiếc linga trên đài thờ này đã không được mang về Bảo tàng. Nhưng H.Parmentier cho biết, có tìm thấy một linga lớn cùng các khối đá khác của đài thờ và đã phục dựng trên bản vẽ.

3- Bản vẽ các mặt đài thờ sử dụng theo Parmentier (1909). Ông là người đầu tiên miêu tả các nhân vật chạm khắc quanh đài thờ này, sau đó nhiều học giả bổ sung. Chúng tôi tổng hợp từ những người đi trước và có vài nhận xét riêng.

Tài liệu trích dẫn:

1- Boisseilier (1963), *Jean Boisseilier, La Statuaires du Champa, (Nghệ thuật tác tượng của Champa)*, Paris, Nhà xuất bản Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, 1963.

2- Griffiths (2012), "Griffiths et al, Études du corpus des inscriptions du Campā III" (Nghiên cứu kho tàng văn khắc Chăm III), *BEFEO, số 95 - 96*, trang 435 - 497.

3- Parmentier (1904), Henri Parmentier "Les monuments du cirque de Mỹ Sơn" (Các công trình tại thung lũng Mỹ Sơn), *BEFEO, số 4, 1904*, trang: 805 - 896.

4-Stern (1942), *Philippe Stern, L'art du Champa (ancien Annam) et son evolution (Nền nghệ thuật Champa và tiến trình phát triển)*, Toulouse, 1942.

5- Trần (2008), Trần Kỳ Phương, "Nghiên cứu về ngôi đền Mỹ Sơn E1: Những luận chứng mới về sự tái sử dụng các bộ phận kiến trúc trong ngôi đền Ấn Độ giáo - Tìm hiểu sự tiến triển của kiến trúc đền tháp Chiêm Thành trong giai đoạn sớm thuộc thế kỷ VII và thế kỷ VIII", *Tạp chí Nghiên cứu và phát triển, số 4/2008*.